

Tiền Giang , ngày 8 tháng 9 năm 2015

BIÊN BẢN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

Hệ : Tốt nghiệp THPT

Ngành : Điều dưỡng

TN từ Tất cả RL từ Tất cả

ƯU TIÊN	<i>Khu vực 3</i>	<i>Khu vực 2</i>	<i>Khu vực 2NT</i>	<i>Khu vực 1</i>	CỘNG
<i>Học sinh Phổ thông</i>	7.25 1	6.75 3	6.25 9	5.75	13
<i>Nhóm 2</i>	6.25	5.75	5.25 1	4.75	1
<i>Nhóm 1</i>	5.25	4.75	4.25	3.75	
CỘNG	1	3	10		14

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
(Ký tên, đóng dấu)



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

Tiền Giang , ngày 8 tháng 9 năm 2015

BIÊN BẢN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

Hệ : Tốt nghiệp THPT

Ngành : Y sĩ

TN từ Tất cả RL từ Tất cả

ƯU TIÊN	<i>Khu vực 3</i>	<i>Khu vực 2</i>	<i>Khu vực 2NT</i>	<i>Khu vực 1</i>	CỘNG
<i>Học sinh Phổ thông</i>	6.00	5.50	5.00	4.50	
		10	28	1	39
<i>Nhóm 2</i>	5.00	4.50	4.00	3.50	
<i>Nhóm 1</i>	4.00	3.50	3.00	2.50	
		1			1
CỘNG		11	28	1	40

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
(Ký tên, đóng dấu)



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Bùi Thị Quỳnh Anh	27/02/95	Nữ	56.01		99	99.00487	6.00	6.50					12.50	12.50	6.25	01	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Vân Anh	22/03/97	Nữ	53.06		99	99.00494	3.00	7.00					10.00	10.00	5.00	01	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Trúc Đào	26/03/97	Nữ	53.06		99	99.00483	6.50	7.00					13.50	13.50	6.75	01	2NT	15 PT
5304 00000	Đỗ Thành Hiệp	06/05/95		53.06		99	99.00459	2.00	9.00					11.00	11.00	5.50	01	2NT	14 PT
5304 00000	Võ Thị Thùy Linh	23/03/85	Nữ	53.09		99	99.00464	6.00	2.00					8.00	8.00	4.00	01	3	03 PT
5304 00000	Đặng Kim Ngân	13/06/97	Nữ	53.11		99	99.00445	2.25	4.50					6.75	6.75	3.37	01	2NT	15 PT
5304 00000	Âu Thị Nhiên	20/05/90	Nữ	53.11	06	99	99.00496	6.00	5.50					11.50	11.50	5.75	01	2NT	15 PT
5304 00000	Võ Ngọc Huỳnh Như	16/10/97	Nữ	02.06		99	99.00456	1.25	6.00					7.25	7.25	3.62	01	2	15 PT
5304 00000	Huỳnh Minh Sơn	20/01/96		56.02		99	99.00465	3.75	2.50					6.25	6.25	3.12	01	2NT	15 PT
5304 00000	Dương Thị Hồng Sương	27/08/97	Nữ	53.03		99	99.00472	5.75	5.75					11.50	11.50	5.75	01	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/04/97	Nữ	53.01		99	99.00468	5.25	6.00					11.25	11.25	5.62	01	2	15 PT
5304 00000	Ngô Tiểu Thi	29/07/97	Nữ	53.11		99	99.00492	6.50	6.25					12.75	12.75	6.37	01	2NT	15 PT
5304 00000	Bùi Thị Anh Thư	09/04/97	Nữ	53.07		99	99.00478	3.00	4.50					7.50	7.50	3.75	01	2NT	15 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Thanh Trúc	30/03/97	Nữ	53.06		99	99.00495	2.25	5.00					7.25	7.25	3.62	01	2NT	15 PT

Cộng ngành 01 : 14 thí sinh



HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 04 Y sĩ

Kèm theo Quyết định số 120 Ngày 08-09-2015

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Hoàng Tuấn Anh	15/10/96		53.05		99	99.00491	4.50	5.50					10.00	10.00	5.00	04	2	15 PT
5304 00000	Châu Thị Hồng Cẩm	22/07/96	Nữ	53.03		99	99.00489	5.75	7.50					13.25	13.25	6.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Bích Chi	13/04/96	Nữ	53.03		99	99.00443	2.50	5.50					8.00	8.00	4.00	04	2NT	14 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Phương Dung	27/11/97	Nữ	53.09		99	99.00475	3.00	3.50					6.50	6.50	3.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Bùi Khả Duy	21/05/96		53.04		99	99.00455	2.50	3.50					6.00	6.00	3.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Bùi Hồ Hải	17/10/97		53.03		99	99.00444	2.25	4.25					6.50	6.50	3.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Quốc Hải	05/11/97		56.02		99	99.00493	6.25	6.50					12.75	12.75	6.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Mỹ Hân	02/05/91	Nữ	53.07		99	99.00481	9.00	8.00					17.00	17.00	8.50	04	2	09 PT
5304 00000	Phan Nguyễn Hân Hân	13/10/97	Nữ	53.05		99	99.00446	5.75	4.75					10.50	10.50	5.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phạm Thị Ngọc Huyền	23/04/96	Nữ	53.01		99	99.00451	4.75	5.50					10.25	10.25	5.12	04	2	15 PT
5304 00000	Trần Huy Hùng	25/12/96		53.11		99	99.00449	2.25	3.75					6.00	6.00	3.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Võ Trúc Liễu	30/01/96	Nữ	53.01		99	99.00447	1.75	5.50					7.25	7.25	3.62	04	2	15 PT
5304 00000	Lê Thị Thùy Linh	26/10/97	Nữ	53.09		99	99.00474	7.25	7.00					14.25	14.25	7.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Mai Thị Diễm My	23/12/97	Nữ	53.11		99	99.00482	6.75	7.50					14.25	14.25	7.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Kim Ngân	22/03/96	Nữ	53.06		99	99.00467	6.50	6.00					12.50	12.50	6.25	04	1	14 PT
5304 00000	Dương Thị Mỹ Ngọc	19/06/93	Nữ	53.03		99	99.00479	8.50	9.50					18.00	18.00	9.00	04	2NT	11 PT
5304 00000	Nguyễn Thành Nhân	11/08/97		53.05		99	99.00463	3.50	4.25					7.75	7.75	3.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	07/10/96	Nữ	53.01		99	99.00452	3.00	6.50					9.50	9.50	4.75	04	2	15 PT
5304 00000	Phạm Quỳnh Như	24/12/96	Nữ	49.03		99	99.00490	6.00	5.50					11.50	11.50	5.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lâm Mỹ Phụng	27/03/97	Nữ	53.05		99	99.00450	3.25	7.00					10.25	10.25	5.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trương Mionh Tâm	26/02/90		53.06		99	99.00476	9.50	9.50					19.00	19.00	9.50	04	2NT	08 PT
5304 00000	Phan Minh Thanh	08/11/97		53.01		99	99.00454	4.00	3.75					7.75	7.75	3.87	04	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Minh Thiện	13/09/95		53.05	03	99	99.00466	6.00	6.50					12.50	12.50	6.25	04	2	13 PT
5304 00000	Mai Phạm Minh Thông	01/11/97		53.01		99	99.00470	8.00	7.75					15.75	15.75	7.87	04	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Cẩm Thu	31/08/97	Nữ	53.03		99	99.00477	5.50	6.75					12.25	12.25	6.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trương Thị Mộng Thu	12/01/97	Nữ	56.06		99	99.00486	5.50	6.00					11.50	11.50	5.75	04	2NT	15 PT



Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Trần Thị Minh	Thư	06/07/97	Nữ	53.03	99	99.00462	2.75	5.00					7.75	7.75	3.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Huỳnh Anh	Thư	27/01/97	Nữ	53.09	99	99.00480	4.50	4.25					8.75	8.75	4.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Lam	Thy	12/11/97	Nữ	53.09	99	99.00461	1.75	3.25					5.00	5.00	2.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Võ Thị Ngọc	Thy	13/11/97	Nữ	53.04	99	99.00473	1.75	5.25					7.00	7.00	3.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Bùi Thị Cẩm	Tiên	30/10/97	Nữ	53.03	99	99.00485	4.25	4.75					9.00	9.00	4.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Mỹ	Tiên	20/12/96	Nữ	53.01	99	99.00471	2.25	6.25					8.50	8.50	4.25	04	2	15 PT
5304 00000	Huỳnh Hoa Sơn	Trang	20/04/97	Nữ	53.07	99	99.00469	3.25	8.00					11.25	11.25	5.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	05/03/96	Nữ	53.01	99	99.00460	5.00	5.50					10.50	10.50	5.25	04	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	02/10/97	Nữ	53.05	99	99.00457	3.25	6.50					9.75	9.75	4.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Loan	Trinh	03/04/97	Nữ	53.05	99	99.00458	6.25	4.75					11.00	11.00	5.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trương Thị Thảo	Trinh	01/01/97	Nữ	53.05	99	99.00488	5.00	5.50					10.50	10.50	5.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Ngọc Minh	Tú	19/01/96	Nữ	53.01	99	99.00448	3.75	3.50					7.25	7.25	3.62	04	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thanh	Tú	16/02/97		53.05	99	99.00484	6.50	7.25					13.75	13.75	6.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Thị Bé	Tư	15/09/97	Nữ	53.04	99	99.00453	4.25	5.25					9.50	9.50	4.75	04	2NT	15 PT

Cộng ngành 04 : 40 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG 5304 : 54 THÍ SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký và ghi rõ họ tên)



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ